TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khoa
2. Ông Nguyễn Thị Mỹ Duyên
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Châu Văn B, sinh năm 1973. Địa chỉ: 147/2, ấp L, xã P, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bé H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1975. Địa chỉ: 147/2, ấp L, xã P, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai nguyên đơn anh Châu Văn B trình bày:

Vào năm 1994 tôi và chị H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung chúng tôi có 02 con chung. Châu Thị Bé T, sinh ngày: 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày: 13/05/2003. Hiện nay do trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không hạnh phúc, xét thấy không thể sống chung được nữa nên tôi xin ly hôn.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: tôi yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé H.

Về con chung: con chung Châu Thị Bé T, sinh ngày 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày 13/05/2003 đã trưởng thành tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản khai chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Vào năm 1994 tôi và anh B sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung chúng tôi có 02 con chung là Châu Thị Bé T, sinh ngày: 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày: 13/05/2003. Hiện nay do trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không hạnh phúc. Hiện nay chúng tôi đã không còn sống chung. Nay ông B yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý. Về con chung: 02 con chung Châu Thị Bé T, sinh ngày 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày 13/05/2003 đã trưởng thành, tôi không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Châu Văn B, anh B yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé H nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé H cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Anh B và chị H cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: qua trình bày của anh B và chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đều thống nhất anh B và chị H sống chung như vợ chồng từ năm 1994 và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lời trình bày này của anh B và chị H cũng phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nơi anh B và chị H cư trú) về việc anh B và chị H không có đăng ký kết hôn. Xét việc anh B và chị H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy nay anh B có yêu cầu ly hôn với chị H và chị H cũng đồng ý nên căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị H là phù hợp.

[5] Về con chung: Châu Thị Bé T, sinh ngày 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày 13/05/2003 đã trưởng thành, anh B và chị H không yêu cùa giải quyết nên không xem xét giải quyết

[6] Về tài sản chung: anh B và chị H cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: anh B và chị H cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 92, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Văn B và chị Nguyễn Thị Bé H (Nguyễn Thị H).

2. Về con chung: Châu Thị Bé T, sinh ngày 15/04/1995 và Châu Thị N, sinh ngày 13/05/2003 đã trưởng thành, anh Châu Văn B và chị Nguyễn Thị Bé H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh Châu Văn B và chị Nguyễn Thị Bé H cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Châu Văn B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001323 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung